TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2023/DS-PT Ngày 17-02-2023 V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác và hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác và hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 390/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: số 211, đường C, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh H và ông Lê Huỳnh Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: xã Q, thị xã B, tỉnh Q; địa chỉ liên hệ: số 62, đường số 1, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/5/2021); ông Đ vắng mặt; ông Đoan có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Hồng P, sinh năm 1984; địa chỉ: số 133/1, đường D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Hải S, sinh năm 1984; địa chỉ: xã T, huyện K, tỉnh T; địa chỉ liên hệ: số 111/23A, đường 385, khu phố 6, phường T, thành phố T, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021); có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ph: Ông D Anh Kh là Luật sư thuộc Công ty Luật T – Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: phòng G04, tầng trệt, tòa nhà A, số 1B đường số 30, khu phố 2, phường A, thành phố T, Thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: ô 42 DC34, khu phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đỗ Hồng Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Năm 2018, ông Đỗ Hồng Ph có rủ ông Nguyễn Văn D góp vốn vào dự án Tân Phước Khánh 7 thuộc phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông Ph nói với ông D là dự án này ông Ph làm chủ đầu tư, đã có giấy tờ pháp lý theo quy định của pháp luật. Ông Ph cam kết chậm nhất đến giữa năm 2019 dự án sẽ hoàn thành, nếu ông D góp vốn sẽ trả lại toàn bộ vốn góp và thanh toán lợi nhuận cho ông D, mức lợi nhuận là 2% vốn góp/tháng (tính từ ngày góp vốn đến ngày nhận tiền gốc và lợi nhuận). Do tin tưởng ông Đỗ Hồng Ph nên ông Nguyễn Văn D đã giao tổng cộng số tiền góp vốn 3.410.000.000 đồng, số tiền này ông D giao cho ông Ph làm 04 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Ngày 17/4/2018, ông D giao trực tiếp cho ông Ph số tiền 400.000.000 đồng;

Đợt 2: Ngày 19/4/2018, ông D giao trực tiếp cho ông Ph số tiền 300.000.000 đồng;

Đợt 3: Ngày 25/4/2018, ông D giao trực tiếp cho ông Ph số tiền 1.500.000.000 đồng;

Đợt 4: Ngày 07/5/2018, ông D giao trực tiếp cho ông Ph số tiền 1.210.000.000 đồng.

Tuy nhiên, sau khi giao tiền đến gần cuối năm 2019, ông D vẫn chưa được ông Ph giao lại tiền góp vốn và thanh toán tiền lợi nhuận. Ngày 23/12/2019, ông Ph có lập và ký nhận *"Biên bản xác nhận tiền góp vốn"* để xác định đã nhận tiền của ông D . Nhận thấy, cho đến nay ông Đỗ Hồng Ph không thực hiện đúng như cam kết đã thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D . Vì vậy, ông Nguyễn Văn Dkhởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Hồng Ph trả lại số tiền vốn góp cho ông D là 3.410.000.000 đồng và tiền lãi (2% vốn góp/tháng) với tổng số tiền 2.455.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính tiền lãi với lãi suất 10% vốn góp/năm (theo quy định của pháp luật) với tổng số tiền là 1.467.500.000 đồng hoặc bồi thường cho cho ông D số tiền bị thiệt hại tương đương với lãi suất 10% vốn góp/năm.

Còn đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ngày 15/3/2022 bị đơn có đơn yêu cầu rút yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bị đơn.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 giấy *"Biên bản xác nhận góp vốn"* ngày 23/12/2019.

- Bị đơn ông Đỗ Hồng Ph trình bày:

Trong thời gian từ năm 2019 đến đầu năm 2021, ông Đỗ Hồng Ph và ông Nguyễn Văn D có hợp tác kinh doanh với nhau, cùng đầu tư vào mua, bán bất động sản. Nhưng do điều kiện khách quan, dịch Covid 19 bùng phát, việc hợp tác đầu tư hoàn toàn bị thua lỗ. Do việc đầu tư không thuận lợi, phải chịu lãi suất ngân hàng và lãi vay bên ngoài, nên vốn đầu tư thua lỗ hết toàn bộ số tiền đã góp để hợp tác kinh doanh.

Theo thỏa thuận hợp tác giữa ông Ph và ông D, trong quá trình hợp tác kinh doanh, ông D có bao nhiêu thì góp bấy nhiêu, việc thỏa thuận hợp tác của các bên hoàn toàn không thỏa thuận về lãi suất, không bên nào phải trả lãi, lợi nhuận chia theo tỷ lệ phần trăm góp vốn. Trong trường hợp thua lỗ thì hai bên cùng chịu.

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án ông Nguyễn Hồng Ph trả số tiền gốc đã góp 3.410.000.000 đồng và tiền lãi 2.455.000.000 đồng, tổng cộng là 5.865.000.000 đồng. Ông Ph hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D, vì không có việc ông D góp số tiền gốc 3.410.000.000 đồng, số tiền này ông D chưa thực hiện việc góp vốn nên hoàn toàn không phát sinh việc ông Ph phải trả lãi cho ông D.

Ngoài ra, trong quá trình hợp tác, ông Ph có đưa cho ông D số tiền là 1.465.000.000 đồng và ông D có vay của ông Ph số tiền 1.400.000.000 đồng, tổng 2.865.000.000 đồng ông D dùng để xây, sửa căn nhà ông D đang sinh sống. Trong thời gian qua, ông Ph cũng gặp khó khăn về kinh tế nên đã nhiều lần yêu cầu ông D hoàn trả cho ông số tiền trên. Vì vậy, ông Ph có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án buộc buộc ông Nguyễn Văn D hoàn trả cho ông Ph tổng cộng số tiền đã vay 2.865.000.000 đồng. Ngày 15/3/2022, ông Đỗ Hồng Ph rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Tòa án buộc ông D trả lại số tiền đã vay nêu trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn D là chị em ruột, trước đây bà Tvà ông Đỗ Hồng Ph có quan hệ tình cảm, bản thân bà xác định tình cảm với ông Ph là nghiêm túc nên đã chuyển đến sinh sống như vợ chồng với ông Phương. Trong thời gian đó, vào một buổi tối, ông Ph bảo bà T *Anh có đưa tiền cho cậu D một số lần. Em lấy giấy, bút ra viết hộ anh để anh nhớ"*, nghe ông Ph nói vậy, bà T lấy giấy bút ra ghi theo nội dung ông Ph đọc. Tờ giấy này chính là tờ giấy ông Ph kiện ông D về việc vay tài sản đã nộp tại Tòa án. Bà T xác định không hề biết, chứng kiến việc ông Ph chuyển tiền cho ông D, không nhận bất kì khoản tiền nào của ông Ph đưa cho ông D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

1. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Đỗ Hồng Ph với ông Nguyễn Văn D với số tiền vay 2.865.000.000 đồng.

2. Chấp nhập toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D đối với bị đơn ông Đỗ Hồng Ph về việc Tranh chấp hợp đồng hợp tác (góp vốn).

Buộc ông Đỗ Hồng Ph trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 3.410.000.000 (ba tỷ bốn trăm mười triệu) đồng và tiền thiệt hại 1.467.500.000 (một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng cộng 4.877.500.000 (bốn tỷ tám trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2022 bị đơn ông Đỗ Hồng Ph kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Giữa ông D và ông Ph là bạn thân nên bàn bạc thống nhất góp vốn để kinh doanh mua bán bất động sản, việc ông D góp vốn kinh doanh là lời ăn, lỗ chịu nên ông D không có quyền đòi lại vốn góp, tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Ph trả tiền gốc và lãi là không phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án thể hiện nguyên đơn có giao số tiền 3.410.000.000 đồng để góp vốn vào kinh doanh, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh góp vốn vào đầu tư công trình gì và giá trị của công trình. Chứng cứ bị đơn cung cấp là bản phô tô không đối chiếu bản chính, bị đơn không có mặt để chứng minh nên không có căn cứ xem xét. Bị đơn không cung cấp chứng cứ đầu tư kinh doanh nên bị đơn có trách nhiệm trả 3.410.000.000 đồng cho nguyên đơn. Về tiền lãi: Bị đơn nhận tiền của nguyên đơn từ năm 2019 nhưng không đầu tư số tiền này để sinh lợi nhuận nên có trách nhiệm trả tiền lãi cho nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có cơ sở, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn và của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T vắng mặt lần thứ 2, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D khởi kiện ông Đỗ Hồng Ph yêu cầu trả lại số tiền góp vốn 3.410.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm là 1.467.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Đỗ Hồng Ph cho rằng ông D chưa góp tiền để hợp tác kinh doanh nên không phát sinh nghĩa vụ trả nợ và lãi.

Tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ thể hiện, lúc 14 giờ ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, ông Nguyễn Văn D và ông Đỗ Hồng Ph lập *"Biên bản xác nhận tiền vốn góp"*, có nội dung xác nhận số tiền góp vốn cùng kinh doanh vào dự án "Hạnh Nguyên", (dự án bất động sản Tân Phước Khánh 7). Số tiền ông Nguyễn Văn Dgóp 04 đợt là:

Đợt 1 vào ngày 17/4/2018 là 400.000.000 đồng;

Đợt vào ngày 19/4/2018 là 300.000.000 đồng;

Đợt 3 vào ngày 25/4/2018 là 1.500.000.000 đồng;

Đợt 4 vào ngày 07/5/2018 là 1.210.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Đỗ Hồng Ph nhận của ông Nguyễn Văn D là 3.410.000.000 đồng và cam kết ông Ph có trách nhiệm thu hồi vốn và lợi nhuận cho ông D khi dự án hoàn thành, cuối biên bản này ông D và ông Ph cùng ký và ghi họ tên (bút lục 20).

Tại Bản tự khai ngày 23/6/2021 (bút lục 25) ông Ph trình bày: "*trong thời gian 03 năm vừa qua tôi có nhận của anh Nguyễn Văn D với số tiền là 3.410.000.000 (ba tỷ bốn trăm mười triệu đồng), để anh em góp vốn làm ăn".*

Với tài liệu, chứng cứ trên đủ căn cứ chứng minh ông Ph đã nhận của ông D số tiền 3.410.000.000 đồng. Việc ông Ph đưa ra thông tin góp vốn vào dự án bất động sản "Hạnh Nguyên" Tân Phước Khánh 7 nhưng ông Ph không có tài liệu, chứng cứ đã góp vốn trong đó có số tiền đã nhận của ông D vào dự án bất động sản này. Do đó, ông Ph phải có nghĩa vụ trả lại cho ông D tiền góp 3.410.000.000 đồng.

Tại *"Biên bản xác nhận tiền vốn góp"* trên, hai bên thỏa thuận ông Ph có nghĩa vụ thu hồi vốn và lợi nhuận khi dự án hoàn thành nhưng do ông Ph không thực hiện góp vốn nên không phát sinh lợi nhuận từ vốn góp. Tuy nhiên, ông Ph chiếm dụng tiền số lượng lớn của ông D với thời gian kéo dài nên phải bồi

thường thiệt hại cho ông D theo mức lãi suất cho vay 10%/năm là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn trả lại số tiền đã vay là 2.865.000.000 đồng. Ngày 15/3/2022, bị đơn ông Đỗ Hồng Ph rút yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn trình bày ông Ph đã nhận của ông D số tiền 3.410.000.000 và đã đầu tư mua đất nền tại dự án Hạnh Nguyên nhưng do dịch bệnh Covid nên đất không bán được. Đồng thời do ông Ph vay tiền ngân hàng để góp vốn với ông D nhưng không thanh khoản được nên toàn bộ số tiền góp của ông D, ông Ph đã bị lỗ nay không còn. Việc góp vốn "lời ăn lỗ chịu" nên ông D khởi kiện ông Ph là không đúng.

Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để người đại diện của bị đơn ông Ph cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc ông Ph đã có giao dịch nhận chuyển nhượng đất nền tại dự án "Hạnh Nguyên" Tân Phước Khánh 7 trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày 13/02/2023 nhưng hết thời hạn trên người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn là không phù hợp;

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Hồng Ph.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo ông Đỗ Hồng Ph phải chịu 300.000 đồng được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004187 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng **Nguyễn Trung Dũng** **Nguyễn Văn Tài**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hoài Trí Ngô Thị Bích Diệp **Nguyễn Văn Tài**